TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2026/HS-ST
Ngày 20-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Dương Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Đoàn Phương Thảo**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Trang**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông **Đặng Quang Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2026/TLST-HS, ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: không); sinh ngày: 08/8/2002 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi thường trú; thôn N, xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thị N; có 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/11/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

- *Bị hại:* chị **Lê Thị Hải Y**, sinh năm: 1971; nơi thường trú: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* chị **Cà Thị Q**, sinh năm: 2006; nơi thường trú: Bản C, xã N, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Khiếu Tiến V; Phạm Trung Đ1; Nguyễn Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là nhân viên quán Karaoke "Olala", địa chỉ tại khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh do bà Lê Thị Hải Y làm quản lý. Đ biết được việc bà Y thường xuyên đến quán O làm việc và có nhà riêng (cách quán 100 mét) không có người trông coi, thường không khóa cửa nên từ ngày 05/9/2025 đến ngày 07/11/2025, Đ đã 08 (tám) lần lén lút vào nhà lấy trộm tài sản tại nhà bà Y ở khu H, phường M, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ ngày 05/9/2025, biết được bà Y không có ở nhà nên Đ đã lén lút vào nhà bà Y đi thang máy lên phòng để đồ tại tầng 4. Tiếp đó, Đ đi đến tủ để đồ trang sức của bà Y lấy 01 chiếc nhẫn vàng rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đ khai, sau đó đi bộ đến một cửa hàng vàng bạc gần khu vực chợ B bán chiếc nhẫn trên với giá 13.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 18 giờ ngày 07/9/2025, với cách thức, thủ đoạn như lần trước, Đ tiếp tục lén lút vào phòng ngủ tại tầng 4 của nhà bà Y để tìm kiếm tài sản. Tại đây, Đ quan sát thấy có 01 chiếc nhẫn vàng trong ô nhỏ ngăn kéo tủ đựng đồ trang sức (giống với chiếc nhẫn đã trộm trước) nên tiếp tục lấy trộm chiếc nhẫn rồi nhanh chóng tẩu thoát. Đ khai đi bộ đến một cửa hàng vàng bạc bán được với giá 13.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 10/9/2025, mặc dù quan sát thấy xe ô tô của bà Y ở nhà, Đ vẫn có ý định trộm cắp nên đã nảy sinh lý do nếu bị bắt gặp sẽ bảo với bà Y là đến hỏi mượn đồ. Với ý định đó, Đ tiếp tục đi thang máy lên phòng ngủ bà Y thì quan sát thấy bà Y không ở trong phòng. Lúc này, Đ quan sát thấy 01 chiếc túi đặt trên mặt tủ trang sức. Tiếp đó, Đ kiểm tra bên trong túi thì thấy có 3000 nhân dân tệ (CNY) nên đã chiếm đoạt rồi đi bộ ra khu vực chợ 2 đổi số tiền trên cho một người không quen biết được 10.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Khoảng 16 giờ ngày 14/9/2025, Đ tiếp tục lén lút lên phòng ngủ của bà Y thì quan sát thấy chiếc túi màu đen để ở trên mặt tủ trang sức. Đ mở túi ra kiểm tra, phát hiện có 5.000.000 đồng tiền mặt, Đ lấy hết rồi kiểm tra tủ trang sức thì thấy 01 chiếc nhẫn đính đá nên đã chiếm đoạt chiếc nhẫn này rồi đút vào túi quần. Sau đó, Đ đi đến cửa hàng T tại đường H để hỏi bán thì được nhân viên thông báo không mua lại chiếc nhẫn này vì không phải trang sức của cửa hàng. Đ nghĩ chiếc nhẫn này giá trị không lớn nên Đ đã đem về cất giấu tại phòng ngủ ở quán K2. Đến khoảng 03 giờ ngày 17/9/2025, Đ mang chiếc nhẫn tặng bạn gái tên Cà Thị Q.

- Lần thứ năm: Khoảng 10 giờ ngày 28/10/2025, nhận thấy việc trộm cắp tại nhà bà Y quá dễ dàng, bằng phương pháp như các lần trộm cắp trước, Đ tiếp tục lén lút lên phòng ngủ nhà bà Y thì thấy chiếc túi màu đen nên đã lục lọi, chiếm đoạt được 2700 CNY. Đ mang số tiền trên ra khu vực chợ 2, đổi cho một người không quen biết được 9.000.000 đồng.

- Lần thứ sáu: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/11/2025, quan sát thấy xe ô tô của bà Y không ở nhà nên Đ tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tiếp đó, Đ đi lên phòng ngủ của bà Y tại tầng 4, lần này Đ không lục lọi tủ trang sức mà tiến đến hai ngăn kéo tại tủ đầu giường phòng ngủ kiểm tra thì phát hiện có tiền nên đã lấy được số tiền 10.000.000 đồng.

- Lần thứ bảy: Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 03/11/2025, Đ tiếp tục đi lên phòng ngủ của bà Y tại tầng 4 thì thấy phòng bà Y không bật đèn, nghĩ rằng bà Y đang ngủ nên Đ không dám vào trong mà đi xuống phòng ngủ của bà Kim A (con dâu bà Y) tại tầng 3. Tại đây, Đ quan sát thấy 01 chiếc hộp thủy tinh, mở bên trong ra thì thấy có 01 chiếc chìa khóa, tiếp đó Đ dùng chiếc khóa trên để mở thử két sắt thì phát hiện mở được két sắt. Sau đó, Đ kiểm tra, lục lọi và lấy đi số tiền 18.000.000 đồng. Tiếp đó, Đ cất giấu số tiền trên vào túi quần bên phải rồi tẩu thoát.

- Lần thứ tám: Khoảng 09 giờ ngày 07/11/2025 với phương thức, thủ đoạn như các lần trộm cắp trước, Đ đi lên phòng ngủ của bà Y tại tầng 4 nhằm tìm kiếm tài sản để lấy trộm. Tại phòng để đồ tại tầng 4, Đ thấy có 01 chiếc túi để trên mặt bàn trang sức. Đ mở túi ra chiếm đoạt 8.000.000 đồng và 600 CNY, rồi đút vào túi quần bên trái. Sau khi lấy trộm được tài sản, Đ quan sát thấy góc phòng ngủ của bà Y có camera an ninh nên đã tháo thẻ nhớ camera vứt đi rồi đi bộ xuống cầu thang thì Đ bị bà Y phát hiện, bắt quả tang đưa đến trụ sở Công an phường M, thu giữ của Đ số tiền đã trộm cắp của bà Y là 8.000.000 đồng, 600 CNY.

Ngày 07/11/2025, chị Cà Thị Q (bạn gái của Đ) tự nguyện giao nộp 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng để phục vụ công tác điều tra.

Công văn số 3773/KV6-TH ngày 19/12/2025 của Ngân hàng N2 chi nhánh khu vực 6, xác định: Tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với đồng nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) tại thời điểm ngày 04/9/2025-10/9/2025 là 3.535,805 đồng, ngày 28/10/2025 là 3.523,903 đồng và ngày 07/11/2025 là 3.533,197 đồng.

Tại kết luận giám định số 9780/KL-KTHS ngày 06/01/2026 của V1 - Bộ C, kết luận: 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng bạc có gắn các viên đá không màu gửi giám định có tổng khối lượng 3,56 gam (tính cả đá), trong đó: phần kim loại màu trắng là hợp kim của vàng (A), Đ2 (C), N1 (N), K1 (Z), hàm lượng Au trung bình

75,71%; Phần các viên đá gắn trên nhẫn đều là kim cương tự nhiên, cụ thể: 01 viên hình tròn, kiểu chế tác kim cương (brilliant) kích thước: đường kính 9,30mm, chiều cao 5,89mm và 13 viên hình tròn kiểu chế tác kim cương (brilliant) kích thước đường kính 2,10-2,80mm.

Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 03/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường M, kết luận: trị giá 01 (một) nhẫn vàng 9999 (3,75 gam = 01 chỉ vàng) tại thời điểm ngày 05/9/2025 là 12.630.000 đồng. Trị giá 01 (một) nhẫn vàng 9999 (3,75 gam = 01 chỉ vàng) tại thời điểm ngày 07/9/2025 là 13.020.000 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn đá quý gồm 13 viên kim cương nhỏ, 01 viên kim cương chủ và phần kim loại có tổng trị giá là 73.960.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung vụ án.

Bị hại chị Lê Thị Hải Y có lời khai trong quá trình điều tra thể hiện phù hợp lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Đ về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản bị trộm cắp, phù hợp nội dung, diễn biến vụ án và xin giảm nhẹ cho bị cáo. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Y đề nghị giữ nguyên ý kiến và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Cà Thị Q có lời khai trong quá trình điều tra thể hiện phù hợp lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm bị cáo Đ tặng cho chị 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu bạc, tuy nhiên chị Q không biết chiếc nhẫn trên do Đ trộm cắp mà có, là phù hợp về đặc điểm tài sản, phù hợp nội dung, diễn biến vụ án.

Người làm chứng: các anh chị Khiếu Tiến V, Phạm Trung Đ1, Nguyễn Thị Kim A có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại về mối quan hệ với họ và về tình tiết liên quan đến nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 84/CT-VKSKV6, ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo; sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; bị hại đã nhận lại tài sản là vật chứng trong vụ án và được bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả lại tài sản và không có yêu cầu gì, nên không đề cập giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/11/2025.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát mà thừa nhận hành vi phạm tội.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo phạm tội: lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp các tài liệu về xác định hiện trường cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 05, 07, 10, 14 tháng 9/2025, ngày 28/10/2025 và ngày 01, 03, 07 tháng 11/2025 tại căn nhà số A, đường T, khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn Đ đã 08 (tám) lần thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị Hải Y, với giá trị tài sản chiếm đoạt lần lượt là: 12.630.000 đồng, 13.020.000 đồng, 10.607.415 đồng, 78.960.000 đồng, 9.514.538 đồng, 10.000.000 đồng, 18.000.000 đồng và 10.119.918 đồng. Tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Hải Y là: 162.851.871 đồng (*một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi mốt đồng*).

Do đó, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh là có căn cứ pháp lý.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;...".

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức pháp luật, phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp vì vụ lợi và lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết.

[3]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần mỗi lần đủ cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giá trị tài sản bị chiếm đoạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt tương xứng dành cho bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh về mức hình phạt, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng công tác đấu

tranh phòng, chống loại tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn phường M 1 nói riêng và trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản, không có công việc ổn định và thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về phần trách nhiệm dân sự, vật chứng và xử lý vật chứng:

Về xử lý vật chứng: số tiền 8.000.000 đồng, 600 CNY và 01 (một) chiếc nhẫn kim loại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị Hải Y.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã được gia đình Nguyễn Văn Đ bồi thường số tiền 90.000.000 đồng nên không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

[7]. Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Liên quan trong vụ án này, chị Cà Thị Q (bạn gái của Đ) là người được Nguyễn Văn Đ cho 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại, tuy nhiên chị Q không biết chiếc nhẫn trên do Đ trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Qua xác minh tại cửa hàng vàng "X" không xác định được Nguyễn Văn Đ đã bán vàng tại cửa hàng nên không có cơ sở để giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2025.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng: khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND khu vực 6 - Quảng Ninh;*
- *Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;*
- *Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ninh (PV 06);*
- *Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC 10);*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;*
- *Bị cáo; Bị hại; người có QL,NVLQ;*
- *Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thu Hà